

PHÁP LUẬT VỀ BẢO HIỂM XÃ HỘI Ở VIỆT NAM VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN TIẾP TỤC HOÀN THIỆN

TS. VŨ ANH TUẤN^(*)

Ngày nhận bài: 23/10/2023

Ngày thẩm định: 28/10/2023

Ngày duyệt đăng: 15/11/2023

Tóm tắt: *Pháp luật về bảo hiểm xã hội là lĩnh vực quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam, là phương tiện không thể thay thế trong việc bảo đảm các quyền an sinh xã hội của công dân. Nhiều năm qua, bên cạnh những kết quả rất tích cực, pháp luật về bảo hiểm xã hội đã bộc lộ hạn chế, bất cập cần được nhìn nhận thấu đáo để có hướng xử lý cơ bản, hiệu quả. Bài viết đánh giá thực trạng và nêu một số vấn đề đặt ra nhằm tiếp tục hoàn thiện pháp luật bảo hiểm xã hội Việt Nam trong giai đoạn mới.*

Từ khóa: *pháp luật; bảo hiểm xã hội; an sinh xã hội*

1. Đặt vấn đề
Bảo đảm quyền của công dân trong lĩnh vực an sinh xã hội, pháp luật giữ vai trò không thay thế trong việc thể chế hóa và tổ chức thực hiện. Pháp luật về bảo hiểm xã hội là một “mảng” quan trọng liên quan mật thiết với các “mảng” pháp luật khác về an sinh xã hội. Thời gian gần đây, nhiều vấn đề phát sinh trong lĩnh vực thực hiện chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội đang được xã hội rất quan tâm. Vì vậy, khảo sát, đánh giá thực trạng pháp luật về bảo hiểm xã hội và phát hiện các vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu, giải quyết là yêu cầu khách quan nhằm bảo đảm tốt hơn quyền an sinh xã hội của nhân dân trong tình hình mới ở Việt Nam.

2. Khái quát về pháp luật bảo hiểm xã hội Việt Nam

Kế thừa và phát triển Hiến pháp năm 1992, Hiến pháp năm 2013 đã bổ sung các quyền về an sinh xã hội của công dân tại Điều 34: “Công

dân có quyền được bảo đảm an sinh xã hội”, Điều 59: “Nhà nước tạo bình đẳng về cơ hội để công dân thụ hưởng phúc lợi xã hội, phát triển hệ thống an sinh xã hội”. Theo đó, trong hệ thống pháp luật Việt Nam, các quyền an sinh xã hội của công dân có phạm vi điều chỉnh rất rộng nhưng tập trung chủ yếu ở các lĩnh vực trọng tâm: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, chính sách về xóa đói, giảm nghèo, chính sách trợ giúp xã hội cho người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, chính sách về đảm bảo y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch... chính sách an sinh cho các nạn nhân bị ảnh hưởng từ dịch bệnh, thiên tai. Trong số đó, bảo hiểm xã hội là loại hình bảo hiểm do Nhà nước quản lý, nhằm đảm bảo quyền lợi cho người lao động trước một số rủi ro bất chợt. Theo khoản 1 Điều 3 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 “Bảo hiểm xã hội là sự bảo đảm thay thế hoặc bù đắp một phần thu nhập của người lao động khi họ bị giảm hoặc mất thu nhập do ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, hết tuổi lao động hoặc chết, trên cơ sở đóng vào

^(*) Học viện Chính trị khu vực III, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

quỹ bảo hiểm xã hội”. Từ đó, có thể hiểu, pháp luật về bảo hiểm xã hội là một bộ phận của hệ thống pháp luật Việt Nam, bao gồm các nguyên tắc, quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội theo định nghĩa trên.

Trong hệ thống pháp luật Việt Nam hiện nay, pháp luật về bảo hiểm xã hội được cấu thành từ 03 nguồn: (1) Hiến pháp năm 2013 tại Điều 34: “Công dân có quyền được bảo đảm an sinh xã hội” và Điều 59: “Nhà nước tạo bình đẳng về cơ hội để công dân thụ hưởng phúc lợi xã hội, phát triển hệ thống an sinh xã hội”; (2) Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014; các luật có liên quan: Bộ luật Lao động năm 2019, Luật Việc làm năm 2013, Luật Bảo hiểm y tế năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); (3) Các nghị định quy định chi tiết các luật, bộ luật: Nghị định số 95/2013/NĐ-CP ngày 22/8/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội và đưa người Việt Nam đi lao động ở nước ngoài theo hợp đồng; Nghị định số 115/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc; Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ hướng dẫn Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp; Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ hướng dẫn Luật Bảo hiểm y tế; Nghị định số 135/2020/NĐ-CP ngày 18/11/2020 của Chính phủ quy định về tuổi nghỉ hưu; Nghị định số 108/2021/NĐ-CP ngày 07/12/2021 của Chính phủ về điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng. Một số Thông tư hướng dẫn thi hành trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội: Thông tư số 37/2019/TT-NHNN ngày 31/12/2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về hoạt động đại lý bảo hiểm của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cho doanh nghiệp bảo hiểm do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành; Thông tư số 136/2020/TT-BQP ngày 29/10/2020 của Bộ trưởng Bộ

Quốc phòng hướng dẫn về hồ sơ, quy trình và trách nhiệm giải quyết hưởng chế độ bảo hiểm xã hội trong Bộ Quốc phòng; Thông tư số 22/2021/TT-BYT ngày 01/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về ngưng hiệu lực Thông tư số 04/2021/TT-BYT hướng dẫn thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế theo định suất do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành; Thông tư số 18/2022/TT-BYT ngày 31/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết thi hành Luật Bảo hiểm xã hội và Luật An toàn vệ sinh lao động thuộc lĩnh vực y tế...

Như vậy, nhìn tổng thể, những năm qua, hệ thống pháp luật về bảo hiểm xã hội đang từng bước được hoàn thiện, thể hiện ở tính hệ thống từ Hiến pháp, luật, bộ luật đến văn bản quy định chi tiết (nghị định) và hướng dẫn thi hành luật, bộ luật (thông tư) khá đồ sộ; các hình thức (tự nguyện, bắt buộc) khá đồng bộ giữa bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế, giữa lao động, việc làm với bảo hiểm; giữa các đối tượng bảo hiểm (người lao động, hưu trí, quân nhân, công dân nước ngoài làm việc tại Việt Nam)... Nhiều quy định pháp luật bảo hiểm xã hội sát với thực tiễn, có tính dự báo và khả thi cao nên ít phải sửa đổi, thay thế. Đặc biệt, sự ra đời của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 đã khắc phục nhiều hạn chế, bất cập của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2006, cùng với các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành đã góp phần hoàn thiện một bước môi trường và khuôn khổ pháp lý về bảo hiểm xã hội trong bối cảnh mới ở Việt Nam. Nhờ đó, pháp luật về bảo hiểm xã hội đã thật sự đóng vai trò quan trọng trong việc bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động nói riêng, bảo đảm quyền an sinh xã hội của nhân dân nói chung, trở thành động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên cả nước một cách tích cực, nhất là quá trình phục hồi sau đại dịch COVID-19. Theo Báo cáo của Bảo hiểm xã hội Việt Nam, 08 tháng đầu năm 2023, các chỉ tiêu phát triển người tham gia bảo hiểm xã

hội đều tăng so với cùng kỳ năm 2022. Cụ thể: khoảng 17,227 triệu người tham gia bảo hiểm xã hội, tăng 251,8 nghìn người so với cùng kỳ năm 2022. Cả nước có 14,103 triệu người tham gia bảo hiểm thất nghiệp, tăng 84,4 nghìn người so với cùng kỳ năm 2022. Số người tham gia bảo hiểm y tế là 91,438 triệu người, tăng 4,335 triệu người so với cùng kỳ năm 2022. Bên cạnh đó, công tác kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội cũng được tăng cường, đã rà soát, đôn đốc gần 500 đơn vị, xử phạt 188 đơn vị, đạt 60% kế hoạch đề ra⁽¹⁾. Kết quả khả quan đó có sự đóng góp tích cực của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

Tuy vậy, sau gần 10 năm tổ chức thực hiện, thực tế cho thấy pháp luật về bảo hiểm xã hội đang bộc lộ một số hạn chế, bất cập sau:

Một là, diện bao phủ bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật cũng như quy mô tham gia bảo hiểm xã hội trên thực tế còn thấp so với yêu cầu thực tế, nhất là khu vực nông thôn và khu vực không có quan hệ lao động. Hệ thống bảo hiểm xã hội về cơ bản còn thiết kế đơn tầng, sự kết nối giữa chính sách bảo hiểm xã hội với các chính sách xã hội khác chưa đồng bộ, chặt chẽ, chưa thực sự là trụ cột chính của hệ thống an sinh xã hội. Mặt khác, bảo hiểm xã hội bắt buộc còn bỏ sót một số nhóm đối tượng có nhu cầu và có khả năng nhưng chưa được luật hóa để tham gia như chủ hộ kinh doanh cá thể; người quản lý doanh nghiệp, điều hành hợp tác xã không hưởng tiền lương, người lao động làm việc theo chế độ linh hoạt. Đến hết năm 2020 vẫn còn khoảng 9,2 triệu người sau độ tuổi nghỉ hưu (chiếm 65%) chưa thuộc diện bao phủ của hệ thống bảo hiểm xã hội hoặc tầng an sinh xã hội nào khác. Trong khi đó, mục tiêu Nghị quyết số 28-NQ/TW của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội đặt ra là đến năm 2021 có khoảng 45% số người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu sẽ là một thách thức rất lớn.

Hai là, về lâu dài, quỹ hưu trí và tử tuất khó bảo đảm cân đối trong dài hạn. Theo thống kê của Bảo hiểm xã hội Việt Nam, bình quân người

tham gia bảo hiểm xã hội đóng góp trong 28 năm với tỷ lệ 22% vào quỹ hưu trí và tử tuất, trong khi hưởng lương hưu bình quân 25 năm với tỷ lệ hưởng bình quân 70,1%. Tỷ lệ hưởng lương hưu trên số năm đóng góp của Việt Nam hiện nay là khá cao, mức tối đa là 75% cho 35 năm đóng góp đối với nam và 30 năm đóng góp đối với nữ, tương ứng với tỷ lệ tích lũy là 2,14% cho mỗi năm đóng góp đối với nam và 2,5% cho mỗi năm đóng góp đối với nữ. Tỷ lệ này vẫn cao hơn nhiều so với các nước trong khu vực và trên thế giới và chính sách hưu trí của Việt Nam được các chuyên gia của Tổ chức Lao động quốc tế đánh giá là thuộc loại “hào phóng” nhất thế giới⁽²⁾.

Ba là, hiện nay tính chất chia sẻ rủi ro chỉ thể hiện rõ trong các chế độ ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp. Chính sách hưu trí được thiết kế còn nặng về nguyên tắc đóng - hưởng nhưng thiếu chú ý đến nguyên tắc chia sẻ giữa người có mức lương cao và mức lương thấp để thu hẹp khoảng cách về thu nhập giữa các nhóm lao động. Mặt khác, quy định của pháp luật còn bất cập về cách tính mức lương hưu giữa lao động nam và lao động nữ khi điều chỉnh tăng độ tuổi lao động như hiện nay. Cùng với đó, mức lương hưu tối thiểu thấp hơn cả mức lương tối thiểu vùng như hiện nay rất khó giữ chân người lao động gắn bó lâu dài với hệ thống bảo hiểm xã hội.

Bốn là, quy định điều kiện về thời gian tối thiểu được hưởng lương hưu quá chặt chẽ dẫn đến số người đang tham gia rời bỏ hệ thống bảo hiểm xã hội trước tuổi nghỉ hưu khá lớn. Theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, điều kiện thời gian tối thiểu tham gia bảo hiểm xã hội để có cơ hội được hưởng chế độ hưu trí là đủ 20 năm. Điều này khiến cho nhiều người không tích lũy đủ số năm đóng bảo hiểm xã hội để được hưởng lương hưu. Nhiều nước quy định thời gian tham gia bảo hiểm xã hội 10 năm là đã đủ điều kiện hưởng lương hưu, mặc dù mức lương hưu có thể thấp nhưng vẫn tốt hơn là chuyển sang hưởng trợ cấp tuổi già hay lương hưu xã hội do ngân sách nhà nước bảo đảm.

Năm là, điều kiện hưởng bảo hiểm xã hội một lần khá dễ dàng. Sau một năm không làm việc, không tham gia bảo hiểm xã hội, người lao động có thể hưởng bảo hiểm xã hội một lần với mức hưởng bằng 1,5 tháng lương cho mỗi năm tham gia bảo hiểm xã hội trước năm 2014 và 02 tháng lương cho mỗi năm tham gia sau đó. Như vậy, với mức đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất 8% tiền lương từ phía người lao động, một năm đóng 0,96 tháng lương thì việc hưởng 02 tháng lương khi nhận bảo hiểm xã hội một lần được xem như là có lãi, cùng với việc phải chờ đợi quá lâu để hưởng hưu trí sẽ khiến người lao động mong muốn được nhận bảo hiểm xã hội một lần để đáp ứng các nhu cầu trước mắt.

Sáu là, các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội vẫn diễn ra thường xuyên, nghiêm trọng nhưng việc phòng, chống chưa kịp thời và hiệu quả. Năm 2020, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bảo hiểm xã hội Việt Nam đã thực hiện 8.619 cuộc thanh tra, kiểm tra, chủ yếu là do ngành bảo hiểm xã hội thực hiện (chiếm 99,39%) đã phát hiện nhiều trường hợp sai phạm, chưa thực hiện đúng, đủ quy định pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp. Thực tiễn công tác phòng, chống vi phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội thời gian qua nổi lên một số hành vi vi phạm pháp luật bảo hiểm xã hội phổ biến là:

- Hành vi trốn đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động bằng các thủ đoạn: người sử dụng lao động lách luật bằng hợp đồng miệng hoặc ký liên tiếp chuỗi hợp đồng theo thời vụ hoặc chuỗi hợp đồng lao động có thời hạn 01 tháng, kéo dài thời gian thử việc hoặc doanh nghiệp đã lập và sử dụng hai hệ thống sổ lương khác nhau để đóng mức bảo hiểm xã hội thấp hơn mức quy định.

- Hành vi gian lận để thụ hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội bằng cách: thu gom sổ bảo hiểm xã hội của người tham gia bảo hiểm xã hội đã nghỉ việc mà không nhận lại sổ, sau đó lập hồ sơ bảo hiểm xã hội không, chiếm đoạt tiền bảo hiểm xã hội. Lập không thời gian tham gia đóng bảo hiểm xã hội và công tác để chiếm đoạt tiền hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần.

Đến nay, tình trạng cấu kết, lập không, làm giả hồ sơ hưởng chế độ dễ lạm dụng, trục lợi quỹ ốm đau, thai sản; tình trạng chi sai, chi chế độ trợ cấp thất nghiệp trùng với thời gian đóng bảo hiểm xã hội vẫn còn. Ngoài ra, tình trạng nợ đóng bảo hiểm xã hội vẫn chưa được xử lý triệt để. Theo Bảo hiểm xã hội Việt Nam, hết năm 2022, cả nước có hơn 30.000 doanh nghiệp nợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp thuộc diện đã giải thể, phá sản, chủ bỏ trốn nên khó thu hồi. Tổng số tiền còn nợ hơn 4.048 tỷ đồng (cả gốc và lãi) của trên 213.300 người lao động⁽³⁾.

3. Những vấn đề đặt ra

Thế chế hóa quan điểm, mục tiêu của Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23/5/2018 của Ban chấp hành Trung ương (khóa XII) về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội, pháp luật về bảo hiểm xã hội cần tiếp tục hoàn thiện thông qua việc sửa đổi, bổ sung một cách căn bản, dần đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động, đáp ứng tốt hơn quyền lợi của nhóm người lao động, thực hiện mục tiêu phát triển bền vững và củng cố vai trò của Nhà nước trong việc hỗ trợ các nhóm lao động yếu thế. Để thực hiện mục tiêu này, cần nhận thức đúng và có hướng giải quyết hợp lý những vấn đề đặt ra sau:

Thứ nhất, hình thành hệ thống bảo hiểm xã hội đa tầng bằng cách bổ sung tầng trợ cấp hưu trí xã hội. Bên cạnh tầng bảo hiểm xã hội cơ bản (bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện), cần bổ sung tầng bảo hiểm hưu trí nhằm hình thành hệ thống bảo hiểm xã hội đa tầng, bổ sung quy định về liên kết giữa tầng trợ cấp hưu trí xã hội (người sau 75 tuổi) với tầng bảo hiểm xã hội cơ bản nhằm mở rộng đối tượng thụ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội.

Thứ hai, mở rộng đối tượng tham gia và hưởng chế độ bảo hiểm xã hội theo hướng bổ sung đối tượng là chủ hộ kinh doanh, người quản lý doanh nghiệp, người quản lý điều hành hợp tác xã không hưởng tiền lương và người lao động làm việc theo chế độ linh hoạt (làm việc không trọn thời gian) tham gia và thụ hưởng 05 chế độ của bảo hiểm xã hội bắt buộc. Việc

bổ sung các đối tượng này đảm bảo phù hợp với những quy định mới của Bộ luật Lao động năm 2019, đồng thời bảo đảm gia tăng quyền lợi khi các nhóm đối tượng tham gia và gia tăng diện bao phủ của bảo hiểm xã hội. Bởi vì, theo pháp luật hiện hành, nhóm đối tượng này mới chỉ được hưởng 02 chế độ là hưu trí và tử tuất.

Thứ ba, giảm số năm đóng bảo hiểm xã hội tối thiểu (từ 20 năm xuống 15 năm) để được hưởng lương hưu nhằm tạo cơ hội cho những người tham gia muộn (45 - 47 tuổi mới bắt đầu tham gia) hoặc những người tham gia không liên tục khi đến tuổi nghỉ hưu tuy không tích lũy đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội cũng được hưởng lương hưu hằng tháng. Quy định này phù hợp với kinh nghiệm của quốc tế, nhiều quốc gia trước đây cũng quy định thời gian đóng bảo hiểm xã hội tối thiểu là 20 năm để được hưởng lương hưu thì hiện nay các quốc gia này đều đã điều chỉnh giảm.

Thứ tư, sửa đổi quy định về hưởng bảo hiểm xã hội một lần theo hướng sau khi Luật Bảo hiểm xã hội sửa đổi có hiệu lực thi hành, sẽ không cho rút bảo hiểm xã hội một lần. Theo đó, phải chấp nhận có điều kiện cho một số người được rút một phần để ổn định cuộc sống của gia đình họ. Có thể lựa chọn phương án: cho phép người lao động hưởng bảo hiểm xã hội một lần để trước mắt đáp ứng nhu cầu của bản thân, gia đình song vẫn bảo lưu phần còn lại để có thể tiếp tục tham gia và hưởng chế độ khi đủ tuổi nghỉ hưu.

Thứ năm, bổ sung quy định quản lý thu, đóng bảo hiểm xã hội và bổ sung các biện pháp xử lý trốn đóng bảo hiểm xã hội nhằm tăng cường hiệu quả trong việc xác định, quản lý đối tượng thuộc diện tham gia bảo hiểm xã hội, nâng cao trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc tổ chức thực hiện thu, đóng bảo hiểm xã hội, hạn chế tình trạng trốn đóng bảo hiểm xã hội, bảo đảm quyền lợi của người lao động, Dự thảo Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi) đã bổ sung nội dung quy định quản lý thu, đóng bảo hiểm xã hội, trong đó

quy định trách nhiệm của các cơ quan trong xác định và quản lý đối tượng thuộc diện tham gia bảo hiểm xã hội.

Thứ sáu, bổ sung quy định về lấy tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc. Mặc dù trong các văn bản quy phạm pháp luật đã hướng dẫn chi tiết mức tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội nhưng ở một số doanh nghiệp vẫn tồn tại tình trạng tách thành nhiều khoản trợ cấp, bổ sung để không đóng bảo hiểm xã hội. Theo đó, mức tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc vẫn còn khoảng cách nhất định so với tiền lương thực tế của người lao động. Điều này ảnh hưởng nhất định đến việc thụ hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội của người lao động, đặc biệt là mức hưởng lương hưu khi về già được tính trên mức tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội của người lao động. Vì vậy, cần khắc phục tình trạng này bằng các quy định được bổ sung.

4. Kết luận

Pháp luật về bảo hiểm xã hội là lĩnh vực trọng yếu trong việc bảo đảm quyền an sinh xã hội của công dân theo quan điểm công bằng xã hội, “không để ai bị bỏ lại phía sau” trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam. Những đóng góp to lớn của pháp luật về bảo hiểm xã hội trong thời gian qua cần được ghi nhận và phát huy. Những hạn chế, bất cập của lĩnh vực pháp luật này cũng cần phải nghiên cứu thấu đáo để khắc phục một cách cơ bản, hiệu quả trong tiến trình sửa đổi, bổ sung Luật Bảo hiểm xã hội hiện hành mà cả hệ thống chính trị Việt Nam đang quan tâm và chung tay hoàn thiện □

(1) <http://baohiemxahoi.gov.vn/tintuc/Pages/hoat-dong-he-thong-bao-hiem-xahoi.aspx?ItemID=21331&CateID=0#:~:text=Cụ%20thể%3A%20Công%20tác%20thu,nguyên%20khoảng%201%2C418%20triệu%20người>

(2) Dự thảo Tờ trình của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội đề nghị xây dựng Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi) năm 2021

(3) <https://danang.baohiemxahoi.gov.vn/tintuc/Pages/bhxh-so-vssid.aspx?CateID=0&ItemID=18009&OItem=date>